DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 2935 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *07* ***tháng*** *10* ***năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia / of BoA Director)***

Tên đơn vị tổ chức PT:	**Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc**
PT Provider name:	***Northern Center for Environmental Monitoring (NCEM)***
Cơ quan chủ quản:	**Cục Môi trường**
Organization:	***Viet Nam Environment Agency***
Lĩnh vực thử nghiệm:	**Hóa**
Field of testing	***Chemical***
Người phụ trách/	**Thân Văn Đón**
Representative:	***Than Van Don***
Số hiệu/ *Code:*	**VIPAS 008**
Chuẩn mực công nhận: *Accreditation criteria*	**TCVN ISO/IEC 17043:2025 (ISO/IEC 17043:2023)**
Hiệu lực công nhận: *Period of Validation*	**Kể từ ngày** *07 / 10* **/2026 đến ngày 06/7/2030**
Địa chỉ trụ sở chính	**79 Văn Tiến Dũng, phường Tây Tựu, Thành phố Hà Nội**
The head office address	***79 Van Tien Dung street, Tay Tuu ward, Hanoi City***
Địa điểm công nhận	**79 Văn Tiến Dũng, phường Tây Tựu, Thành phố Hà Nội**
Accredited locations:	***79 Van Tien Dung street, Tay Tuu ward, Hanoi City***
Điện thoại/ *Tel*:	**02435771816**
E-mail:	**ncem@cem.gov.vn**
Website:	**http://www.cem.gov.vn**

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 008

Lĩnh vực TNTT thử nghiệm: Hóa

Field of PTP for testing: Chemical

TT	Nền mẫu *Sample matrix*	Chỉ tiêu[(1)] *Testing items[(1)]*	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị ấn định / Độ không đảm bảo đo *Techniques used to determine Assigned Value/ Uncertainty*
	Tên chương trình: Phân tích thành phần hóa học trong các mẫu môi trường: Nước, Đất ***Program name: Analysis of chemical composition in environmental samples: Water, Soil***		
1.	**Nước mặt** ***Surface water***	pH	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia *Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants*
		EC	
		Độ đục *Turbidity*	
		TSS *Total suspended solids*	
		BOD_5, COD *BOD_5, COD*	
		Phosphat (PO_4^{3-}-P), Nitrat (NO_3^--N), Nitrit (NO_2^--N), Clorua (Cl^-), Sulfat (SO_4^{2-}), Florua (F^-)	
		Amoni (NH_4^+-N)	
		Tổng N, Tổng P *Nitrogen total, Phophorus total*	
		Tổng dầu mỡ *Oil and fat total*	
		Tổng Xyanua (CN^-) *Cyanide total (CN^-)*	
		Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Tổng Crom (Cr), Sắt (Fe), Thủy ngân (Hg) *Arsenic (As), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Cooper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Manganese (Mn), Total Chromium (Cr), Iron (Fe), Mercury (Hg)*	

TT	Nền mẫu *Sample matrix*	Chỉ tiêu(1) *Testing items(1)*	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị ấn định / Độ không đảm bảo đo *Techniques used to determine Assigned Value/ Uncertainty*
2.	**Nước dưới đất** ***Ground water***	pH	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia *Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants*
		EC	
		BOD_5, COD *BOD_5, COD*	
		Phosphat (PO_4^{3-}-P), Nitrat (NO_3^--N), Nitrit (NO_2^--N), Clorua (Cl^-), Sulfat (SO_4^{2-}), Florua (F^-)	
		Amoni (NH_4^+-N)	
		Tổng N, Tổng P *Nitrogen total, Phophorus total*	
		Tổng Xyanua (CN^-) *Total Cyanide (CN^-)*	
		Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Tổng Crom (Cr), Sắt (Fe), Selen (Se), Thủy ngân (Hg) *Arsenic (As), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Cooper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Manganese (Mn), Total Chromium (Cr), Iron (Fe), Selenium (Se), Mercury (Hg)*	
3.	**Nước thải** ***Wastewater***	pH	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia *Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants*
		EC	
		Độ đục *Turbidity*	
		TSS *Total suspended solids*	
		BOD_5, COD *BOD_5, COD*	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 008

TT	Nền mẫu *Sample matrix*	Chỉ tiêu(1) *Testing items(1)*	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị ấn định / Độ không đảm bảo đo *Techniques used to determine Assigned Value/ Uncertainty*
3.	**Nước thải** ***Wastewater***	Phosphat (PO_4^{3-}-P), Nitrat (NO_3^--N), Nitrit (NO_2^--N), Clorua (Cl^-), Sulfat (SO_4^{2-}), Florua (F^-)	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia *Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants*
		Amoni (NH_4^+-N)	
		Tổng N, Tổng P *Nitrogen total, Phophorus total*	
		Tổng dầu mỡ khoáng *Oil and fat total*	
		Tổng Xyanua (CN^-) *Cyanide total (CN^-)*	
		Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Mangan (Mn), Tổng Crom (Cr), Sắt (Fe), Thủy ngân (Hg) *Arsenic (As), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Cooper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Manganese (Mn), Total Chromium (Cr), Iron (Fe), Mercury (Hg)*	
4.	**Đất** ***Soil***	Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni), Tổng Crom (Cr), Thủy ngân (Hg) *Arsenic (As), Cadmium (Cd), Lead (Pb), Cooper (Cu), Zinc (Zn), Nickel (Ni), Total Chromium (Cr), Mercury (Hg)*	Giá trị ấn định và độ lệch chuẩn xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia *Assigned value and standard deviation determined by consensus values from participants*
		Hóa chất bảo vệ thực vật gốc Clo hữu cơ (Aldrin, Alpha-Chlordane, Gamma-Chlordane, DDD, DDE, DDT, Dieldrin, Endosulfan I, Endosulfan II, Endrin, Heptachlor, Lindane (γ-BHC)) *Organochlorine pesticides (Aldrin, Alpha-Chlordane, Gamma-Chlordane, DDD, DDE, DDT, Dieldrin, Endosulfan I, Endosulfan II, Endrin, Heptachlor, Lindane (γ-BHC))*	

Ghi chú/ *Notes*:

(1): mỗi ô trong cột này tương ứng với 01 mẫu mà PTP chuẩn bị. Số lượng chỉ tiêu trong mỗi ô là số lượng chỉ tiêu lớn nhất mà PTP có thể chuẩn bị.

Each cell in this column corresponds to 01 sample prepared by the PTP. The number of items in each cell is the maximum number of items that the PTP can prepare.

Trường hợp Trung tâm quan trắc môi trường miền Bắc cung cấp dịch vụ thử nghiệm thành thạo thì Trung tâm quan trắc môi trường miền Bắc phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. *It is mandatory for the Northern Center for Environmental Monitoring (NCEM) that provides Proficiency Testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./.*